

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 435a/2025/DS-ST
Ngày 30 - 12 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 546/2025/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị T1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2025, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 15/8/2024 bà Nguyễn Thị T1 có hỏi vay của bà Nguyễn Thị T với số tiền là 15.000.000 đồng. Ngày 06/9/2024 bà T1 tiếp tục vay bà với số tiền 10.000.000 đồng. Tiếp đến vào ngày 20/9/2024 bà T1 tiếp tục vay bà với số tiền 15.000.000 đồng. Khi vay con bà T1 là anh Đ đến nhận tiền và có ký biên nhận nợ. Khi đó hai bên không thỏa thuận thời gian thanh toán.

Vào ngày 20/5/2024 bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 21 chung, bà T1 tham gia 01 chung, bà T1 đã hốt xong và còn nợ lại 09 lần hụi chết, tương ứng là 9.000.000 đồng.

Vào ngày 01/02/2024 bà có mở dây hụi 500.000 đồng, dây hụi có 35 chung, bà T1 tham gia 01 chung, bà T1 đã hốt xong và còn nợ lại 11 lần hụi chết, tương ứng là 5.500.000 đồng.

Bà T liên hệ yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà T1 không thực hiện và cứ hứa hẹn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 trả cho bà với tổng số tiền là 54.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 đúng quy định pháp luật. Nhưng anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T với anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 được xác định là “Hợp đồng vay tài sản và hụi” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại xã P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Bà Nguyễn Thị T xác định giữa ông với bà T1 có thỏa thuận vay tiền cụ thể là Vào ngày 15/8/2024 bà Nguyễn Thị T1 có hỏi vay của bà Nguyễn Thị T với số tiền là 15.000.000 đồng. Ngày 06/9/2024 bà T1 tiếp tục vay bà với số tiền 10.000.000 đồng. Tiếp đến vào ngày 20/9/2024 bà T1 tiếp tục vay bà với số tiền 15.000.000 đồng. Quá trình vay tiền hai bên không có thỏa thuận lãi suất và có viết biên nhận nợ. Bà Nguyễn Thị T1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị T là thực tế xảy ra và để nợ quá hạn do bà T1 phải trả nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện. Bà T có cung cấp các biên nhận nợ thể hiện bà T1 có vay tiền của bà T. Ngoài ra vào ngày 20/5/2024 bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 21 chung, bà T1 tham gia 01 chung, bà T1 đã hốt xong và còn nợ lại 09 lần hụi chết, tương ứng là 9.000.000 đồng.

Vào ngày 01/02/2024 bà có mở dây hụi 500.000 đồng, dây hụi có 35 chung, bà T1 tham gia 01 chung, bà T1 đã hốt xong và còn nợ lại 11 lần hụi chết, tương ứng là 5.500.000 đồng.

Phía bà T đã nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 không thanh toán cho bà T. Khi vay tiền hai bên có làm biên nhận, trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà T cung cấp, anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 54.500.000 đồng là có cơ sở.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường.

Áp dụng điểm 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T1 trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ là 54.500.000 đồng (năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 2.725.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng số tiền 1.365.000 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0004215 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay hoàn lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị T.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau
(khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng